

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. (B, E.3) Công cụ xác thực dữ liệu có chức năng gì?

- A. Kiểm tra độ chính xác của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
- B. Hạn chế loại dữ liệu hoặc giá trị của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
- C. Xác thực danh tính người sử dụng phần mềm.
- D. Loại bỏ dữ liệu sai khỏi bảng tính.

Câu 2. (B, E.3) Trong các ưu điểm dưới đây, ưu điểm nào là nổi bật của phần mềm bảng tính?

- A. Tự động xác thực dữ liệu.
- B. Tự động phân tích dữ liệu.
- C. Tự động lưu trữ dữ liệu.
- D. Tự động xử lý dữ liệu.

Câu 3. (B, E.3) Công thức nào dưới đây dùng để đếm số ô có giá trị "A" trong vùng A1:A10?

- A. =COUNTIF(A1:A10,"A").
- B. =COUNT(A1:A10,"A").
- C. =IF(COUNTIF(A1:A10,"A")).
- D. =COUNT(A1:A10).

Câu 4. (B, E.3) Hàm COUNTIF có thể sử dụng để:

- A. Tính tổng các giá trị trong một vùng.
- B. Đếm số ô thỏa mãn một điều kiện.
- C. Kiểm tra giá trị lớn nhất trong vùng.
- D. Đếm tất cả các ô trống trong vùng.

Câu 5. (B, E.3) Hàm SUMIF được sử dụng để làm gì?

- A. Đếm số ô thỏa mãn điều kiện.
- B. Tính tổng các giá trị trong một phạm vi thỏa mãn điều kiện.
- C. Tính giá trị trung bình của các ô.
- D. Hiện thị giá trị lớn nhất trong một phạm vi.

Câu 6. (B, E.3) Tham số nào là tùy chọn trong công thức SUMIF?

- A. Range.
- B. Criteria.
- C. Sum_range.
- D. Cả 3 tham số đều bắt buộc.

Câu 7. (V, E.3) Để giải quyết bài toán Quản lý tài chính gia đình, em nên sử dụng phần mềm nào?

- A. Phần mềm bảng tính.
- B. Phần mềm soạn thảo văn bản.
- C. Phần mềm máy tính.
- D. Phần mềm tạo bài trình chiếu.

Câu 8. (H, E.3) Dữ liệu nhập vào cột Khoản chi trong hình dưới đây cần thuộc kiểu dữ liệu nào?

	A	B	C	D	E	F
1	Chi tiêu					Khoản chi
2	Ngày	Khoản chi	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)		Ờ
3						Ăn
4						Di chuyển
5						Học tập
6						Sức khỏe
7						Giải trí
8						Quà tặng/Từ thiện
9						Tiết kiệm
10						Khác

- A. Whole number.
- B. Any value.
- C. List.
- D. Text length.

Câu 9. (H, E.3) Công thức nào sau đây dùng để đếm số ô trong vùng B3:B10 có giá trị lớn hơn 100?

- A. =COUNTIF(B3:B10,">100").
- B. =COUNTIF(B3:B10,"100>").
- C. =COUNTIF(B3:B10,100).
- D. =COUNTIF(B3:B10,"*100*").

Câu 10. (V, E.3) Khi sao chép công thức =COUNTIF(\$B\$3:\$B\$10,F2) từ ô G2 xuống G3, công thức sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Vẫn giữ nguyên vì có dấu \$.
- B. Thay đổi thành =COUNTIF(B4:B11,F3).
- C. Chỉ thay đổi tham chiếu F2 thành F3.
- D. Thay đổi cả tham chiếu vùng và điều kiện.

Câu 11. (H, E.3) Công thức nào đúng để tính tổng các ô trong cột D, với điều kiện ở cột B là "Chi tiêu"?

- A. =SUMIF(B3:B10,"Chi tiêu",D3:D10). B. =SUMIF(D3:D10,"Chi tiêu",B3:B10).
 C. =SUMIF("Chi tiêu",B3:B10,D3:D10). D. =SUMIF(B3:D10,"Chi tiêu",D3:D10).

Câu 12. (V, E.3) Để kiểm tra nếu doanh thu lớn hơn 15 triệu thì tỉ lệ thưởng là 4%, công thức đúng là gì?

- A. =IF(A1>15,000,4%,0%). B. =IF(A1>15,000,"4%","0%").
 C. =IF(A1>15,000,0.04,0). D. =IF(A1<15,000,0.04,0).

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. (E.3; B,H,H,V)

An và Minh đang thảo luận với nhau khi màn hình hiển thị thông báo lỗi trong Data Validation. An có ý kiến như sau?

- a) Khi nhập dữ liệu không đúng kiểu.
 b) Khi nhập dữ liệu không đúng giá trị cho phép
 c) Khi ô trống không nhập liệu.
 d) Khi nhập dữ liệu trùng lặp trong bảng.

Câu 2. (E.3; B,B,H,V)

Khoa và Bảo đang tìm hiểu chương trình bảng tính. Hai bạn trao đổi với nhau về công thức: =COUNTIF(A1:A10,"<>0") và đưa ra nhận xét như sau:

- a) Trả về số ô có giá trị bằng 0.
 b) Trả về số ô có giá trị lớn hơn 0.
 c) Trả về tổng giá trị khác 0.
 d) Trả về trung bình số ô có giá trị khác 0.

Câu 3. (E.3;B,H,V,V)

Công thức =SUMIF(\$B\$3:\$B\$10,"A",\$D\$3:\$D\$10) thực hiện điều gì?

- a) Đếm số ô trong vùng B3:B10 có giá trị là "A".
 b) Tính tổng các giá trị trong vùng D3:D10, với điều kiện ở B3:B10 là "A".
 c) Tính tổng các giá trị trong vùng B3:B10 thỏa mãn điều kiện "A".
 d) Tính trung bình các giá trị ở D3:D10.

Câu 4. (E.3; B,B,H,V)

Trong công thức =IF(N4>30%,"Nhiều hơn","Ít hơn"), tham số N4>30% được gọi là gì?

- a) Logical Test
 b) Value if True
 c) Điều kiện kiểm tra
 d) Điều kiện sai

PHẦN III: Tự luận. (Mỗi câu 1.0 điểm)

Câu 1.

Trình bày cách thực hiện sử dụng công cụ xác thực dữ liệu (Data Validation).

Câu 2

Hãy viết cú pháp hàm và nêu ý nghĩa của hàm SUMIF và hàm IF.

Câu 3

Cho bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG LƯƠNG THÁNG 5							
2								
3	TT	Họ tên	Phòng	Số ngày nghỉ	Lương (đồng)	Thống kê		
4						Phòng	Tổng ngày nghỉ	Tổng lương
5	1	Ngô Hà	Hành Chính	3	9,200,000	Hành Chính		
6	2	Ngô Phương Thảo	Kinh doanh	2	9,600,000	Kinh doanh		
7	3	Phạm Anh Thư	Nhân Sự	1	10,000,000	Nhân Sự		
8	4	Hoàng Bảo Trâm	Tài Chính	4	10,400,000	Tài Chính		
9	5	Nguyễn Ái Vy	Kinh doanh	6	8,800,000			

- a. Sử dụng hàm COUNTIF để đếm số ngày người nghỉ từ 5 ngày trở lên.
b. Sử dụng hàm COUNTIF để đếm số người thu nhập từ 10 triệu đồng trở lên.
c. Tính tổng số tiền lương của nhân viên của mỗi phòng tại cột **Tổng lương (cột H)**.

---HẾT---

ĐÁP ÁN:

PHẦN I: (3 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	B	B	C	A	C	A	C	A	C

PHẦN II: (4 điểm, Mỗi câu 1 điểm, mỗi ý đúng được 0.25 điểm)

Câu	a)	b)	c)	d)
Câu 1	Đ	S	S	Đ
Câu 2	Đ	S	Đ	S
Câu 3	S	S	S	Đ
Câu 4	S	S	S	S

PHẦN III: (3 điểm, mỗi câu 1 điểm)

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1	- Chọn ô hoặc các ô cần xác thực dữ liệu.	0.25
	- Nháy thẻ Data -> chọn Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện.	0.25
	+ Tại ô Allow trong thẻ Settings, em lựa chọn kiểu dữ liệu hoặc giá trị dữ liệu cho phù hợp với yêu cầu của từng bài toán cụ thể.	0.25
	+ Nháy OK.	0.25
Câu 2	* Hàm SUMIF:	
	- Cú pháp: =SUMIF(range, criteria, [sum_range])	0.25
	- Ý nghĩa: Tính tổng giá trị của những ô thỏa mãn một điều kiện nào đó.	0.25
	* Hàm IF	
Câu 3	- Cú pháp: =IF(logical,[value_if_true],[value_if_false])	0.25
	- Ý nghĩa: Hàm IF kiểm tra điều kiện và trả về một giá trị khi điều kiện đó đúng và một giá trị khác nếu điều kiện đó sai.	0.25
	a. Số người nghỉ từ 5 ngày trở lên: =COUNTIF(D5:D9, ">5")	0.25
	b. Số người thu nhập từ 10 triệu đồng trở lên: =COUNTIF(E5:E9, "10000000")	0.25

c. - Chọn ô H5 và nhập công thức: =SUMIF(\$C\$5:\$C\$9,F5,\$E\$5:\$E\$9)	0.25
- Sao chép công thức trong ô H5 đến các ô từ H6 đến H9 để tính tổng lương của các nhân viên của từng phòng còn lại.	0.25

ĐỀ 2**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: TIN 9****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

Khoanh tròn vào đáp án trước câu trả lời đúng nhất, mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu 1: Công thức chung của hàm đếm số ô tính trong vùng dữ liệu thỏa mãn điều kiện là

- A. =COUNTIF(criteria, range).
- B. =SUMIF(range, criteria, [sum_range]).
- C. =COUNTIF(range, criteria).
- D. =IF(logical_test, [value_if_false], [value_if_true]).

Câu 2: Công thức chung của hàm tính tổng giá trị của những ô thỏa mãn một điều kiện nào đó là

- A. =IF(logical_test, [value_if_true], [value_if_false]).
- B. =SUMIF(range, criteria, [sum_range]).
- C. =SUMIF(criteria, [sum_range], range).
- D. =COUNTIF(range, criteria).

Câu 3: Công thức chung của hàm kiểm tra điều kiện và trả về một giá trị khi điều kiện đó đúng và một giá trị khác nếu điều kiện đó sai là

- A. =IF([value_if_true], logical_test, [value_if_false]).
- B. =IF(logical_test, [value_if_false], [value_if_true]).
- C. =IF(logical_test, [value_if_true], [value_if_false]).
- D. =IF([value_if_false], [value_if_true], logical_test).

Câu 4: Số tiền chênh lệch giữa thu và chi được thể hiện bằng giá trị gì?

- A. Giá trị NET.
- B. Giá trị NTE.
- C. Giá trị TEN.
- D. Giá trị ENT.

Câu 5: Công thức tính để đếm số ô trong vùng A2:A8 chứa giá trị số nhỏ hơn 90 là

- A. =COUNTIF(A2:A8,"<90").
- B. =COUNTIF(A2:A8,">90").
- C. =COUNTIF(A2:A8,>90).
- D. =COUNTIF(A2:A8,<90).

Câu 6: Công thức tính để đếm số ô trong vùng B3:B5 chứa giá trị giống như ô E7 là

- A. =COUNT(B3:B5,E7).
- B. =COUNTIF(B3:B5,"=E7").
- C. =COUNTIF(B3:B5,"E7").
- D. =COUNTIF(B3:B5,E7).

Câu 7: Công thức tính để đếm số ô trong vùng E4:E11 chứa giá trị số khác giá trị trong ô C5 là

- A. =COUNTIF(E4:E11,"#"&C5).
- B. =COUNTIF(E4:E11,"<>"&C5).
- C. =COUNTIF(E4:E11,"="&C5).
- D. =COUNTIF(E4:E11,"#"&C5).

Câu 8: (VDC) Công thức tính tổng các giá trị nhỏ hơn 200 trong vùng B2:B6 là

- A. =SUM(B2:B6,"<200")
- B. =SUMIF(B2:B6,">200")

C. =SUMIF(B2:B6,<200)

D. =SUMIF(B2:B6,"<200")

Câu 9: (VDC) Công thức tính tổng các giá trị trong vùng C4:C10 với các ô tương ứng trong vùng A4:A10 có giá trị là "SGK" là

A. =SUMIF(A4:A10,"SGK",C4:C10)

B. =SUMIF(A4:A10,SGK,C4:C10)

C. =SUM(A4:A10,"SGK",C4:C10)

D. =SUMIF(C4:C10,"SGK",A4:A10)

Câu 10: (VDC) Công thức tính tổng các giá trị trong vùng B2:B5 với các ô tương ứng trong vùng A2:A5 có giá trị là "Khoa" là

A. =SUMIF(A2:A5,Khoa,B2:B5)

B. =SUMIF(A2:A5,"Khoa",B2:B5)

C. =SUM(A2:A5,"Khoa",B2:B5)

D. =SUMIF(B2:B5,"Khoa",A2:A5)

Câu 11: (VDC) Công thức tính tổng các giá trị lớn hơn 10 trong vùng dữ liệu từ A1:A6?

A. =SUM (A1:A6,">10")

B. =COUNTIF(A1:A6,">10")

C. =IFSUM(A1:A6,">10")

D. =SUMIF(A1:A6,">10")

Câu 12: Trong bảng tính Excel, ô A1 chứa giá trị 5. Tại ô B1 nhập công thức sau: =IF(A1>=5, "Trung bình", IF(A1>=7, "Khá", IF(A1>=8, "Giỏi", "Xuất sắc"))). Kết quả trả về tại ô B1 là

A. Giỏi.

B. Xuất sắc.

C. Trung Bình.

D. Khá

Câu 13: Trong bảng tính Excel, ô C2 chứa giá trị là hạng của học sinh. Công thức nào dưới đây tính học bổng theo điều kiện: "Nếu xếp hạng từ 1 đến 3 thì được học bổng là 200000, còn lại thì để trống"?

A. =IF(C2>=3, 200000, 0).

B. =IF(C2<=3, 200000, "").

C. =IF(C2<=3, 0, 200000).

D. =IF(C2<3, 200000, "").

Câu 14: Thầy A dùng bảng tính Excel để xếp loại thí sinh theo yêu cầu sau: "Nếu thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên, thí sinh đó được xếp loại Đạt, ngược lại nếu dưới 5 điểm thì xếp loại Không Đạt". Công thức nào dưới đây thể hiện ĐÚNG yêu cầu trên? (Giả sử ô G6 đang chứa giá trị điểm thi)

A. =IF(G6>=5,"Đạt") else ("Không đạt").

B. =IF(G6<=5,"Đạt","Không đạt").

C. =IF(G6>5,"Đạt","Không đạt").

D. =IF(G6<5,"Không đạt","Đạt").

Câu 15: Trong bảng tính Excel, điều kiện trong hàm IF được phát biểu dưới dạng một phép so sánh. Khi cần so sánh khác nhau thì sử dụng kí hiệu nào?

A. #

B. ><

C. <>

D. &

Câu 16: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 gõ vào công thức: =IF(3>5,100,IF(5<6,200,300)) thì kết quả nhận được tại ô A2 là

A. 200.

B. 100.

C. 300.

D. False.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17 (3 điểm): Trình bày Sự khác biệt giữa các hàm SUMIF và COUNTIF theo cú pháp và cách sử dụng của chúng?

Câu 18 (3 điểm): Cho bảng dữ liệu sau:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG GIÁ SẢN PHẨM					
2	STT	Nhà cung cấp	Tên sản phẩm	Số lượng bán	Đơn giá	Tổng tiền bán
3	1	Shopee	Samsung A5	10	6,000,000 đ	
4	2	Shopee	Sony Z2	9	5,600,000 đ	
5	3	Shopee	Sony Z3	8	8,000,000 đ	
6	4	Shopee	Galazy S7	7	14,000,000 đ	
7	5	Shopee	Samsung A5	20	6,000,000 đ	
8	6	Lazada	Sony XZ	13	14,500,000 đ	
9	7	Lazada	Galaxy S7	56	14,000,000 đ	
10	8	Lazada	Sony Z3	30	8,000,000 đ	
11	9	Lazada	Samsung J7	45	6,200,000 đ	
12	10	Lazada	Samsung S8	69	18,000,000 đ	
13						
14			Số sản phẩm có tổng tiền bán trên 100.000.000 đ			
15						
16			Yêu cầu	Tổng sản phẩm		
17			1			
18			2			

- a) Tính tổng tiền bán sản phẩm theo số lượng bán * đơn giá
b) Đếm số sản phẩm có tổng tiền bán trên 100.000.000 đ
c) Tính tổng số lượng sản phẩm bán được từ từng nhà cung cấp Shopee, Lazada

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm) (Mỗi câu đúng được 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	A	A	D	B	D
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	B	D	C	B	D	C	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 17 (3 điểm)	Khác nhau:	
	- Hàm SUMIF được dùng để tính tổng giá trị của những ô thỏa mãn một điều kiện nào đó.	0,5
	- Hàm COUNTIF được dùng để đếm số ô tính trong vùng dữ liệu (range) thỏa mãn điều kiện (criteria).	0,5
	Cách sử dụng của hàm SUMIF và COUNTIF:	
	Cú pháp của hàm SUMIF:	
	* Công thức hàm SUMIF: =SUMIF(range, criteria, [sum_range])	0,5

	<p>- range: là phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số sum_range.</p> <p>- criteria: là điều kiện kiểm tra.</p> <p>- sum_range (tùy chọn): là phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng, nếu sum_range bị bỏ qua thì tính tổng các ô trong tham số range thỏa mãn điều kiện.</p> <p>Cú pháp của hàm COUNTIF:</p> <p>* Công thức hàm COUNTIF: =COUNTIF(range, criteria)</p> <p>- range: là phạm vi chứa các ô tính cần kiểm tra để đếm.</p> <p>- criteria: là điều kiện kiểm tra các ô tính trong phạm vi range.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
Câu 18 (3 điểm)	<p>a) Tính tổng tiền bán sản phẩm: B1: Tại ô F3 ta nhập công thức: =D3*E3 B2: Thực hiện sao chép công thức tại ô F3 tới các ô F4, F5, F6, F7, F8, F9, F10, F11, F12</p> <p>b) Số sản phẩm có tổng tiền bán trên 100.000.000 đ:</p> <p>Tại ô F14 nhập công thức: =COUNTIF(F3:F12,">100000000")</p> <p>c) Tính tổng số lượng sản phẩm bán được sử dụng hàm SUMIF: Tại ô D17 nhập công thức: =SUMIF(B3:B12,"Shopee",D3:D12) * Tương tự tính tổng số lượng sản phẩm bán được cho nhà cung cấp Lazada là: =SUMIF(B3:B12,"Lazada",D3:D12)</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

ĐỀ 3
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TIN 9

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu
 Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1 (B.E4.5): Video là gì?

- A. Một chuỗi các ảnh tĩnh xuất hiện nhanh, kèm âm thanh.
- B. Chỉ là hình ảnh tĩnh kết hợp với văn bản.
- C. Các đoạn văn bản có kèm hiệu ứng.
- D. Một chuỗi âm thanh không có hình ảnh.

Câu 2 (B.E4.5): Một trong những ứng dụng phổ biến của video là gì?

- A. Lưu trữ thông tin cá nhân.
- B. Giới thiệu và mô tả công việc hoặc sản phẩm.
- C. Tạo dữ liệu để xử lý số liệu.
- D. Thay thế hoàn toàn văn bản trong báo cáo.

Câu 3 (H.E4.6): Các phần mềm làm video cung cấp chức năng nào sau đây?

- A. Sắp xếp các cảnh, thêm tiêu đề và hiệu ứng.
- B. Ghi âm và lưu trực tiếp video lên Internet.
- C. Thay đổi định dạng video không cần biên tập.

D. Lưu trữ và phân tích dữ liệu hình ảnh.

Câu 4 (V.E4.6): Video được tạo bằng cách nào?

- A. Chỉ quay video bằng camera chuyên dụng.
- B. Sử dụng ảnh và âm thanh từ các tư liệu có sẵn.
- C. Quay video bằng thiết bị hoặc sử dụng phần mềm để biên tập.
- D. Kết hợp các đoạn văn bản và nhạc nền.

Câu 5 (B.E4.7): Hiệu ứng chuyển động trong video thường được sử dụng để:

- A. Thay đổi màu sắc của hình ảnh hoặc video.
- B. Tùy chỉnh vị trí chuyển động của camera trên hình ảnh hoặc video.
- C. Thêm nhạc nền vào video.
- D. Tạo các hiệu ứng như tuyết rơi hoặc lá rơi.

Câu 6 (H.E4.7): Tùy chọn nào không phải là hiệu ứng chuyển động thường dùng?

- A. Zoom in center.
- B. Zoom in right.
- C. Fade out.
- D. Zoom in left.

Câu 7 (H.E4.8): Phụ đề trong video có chức năng gì?

- A. Để thêm nhạc nền.
- B. Chú thích cho các hình ảnh, lời thoại hoặc thuyết minh.
- C. Làm đẹp cho video.
- D. Tạo hiệu ứng chuyển cảnh.

Câu 8 (V.E4.8): Bạn có thể thêm bao nhiêu phụ đề cho một đoạn video?

- A. Chỉ một phụ đề.
- B. Tối đa ba phụ đề.
- C. Nhiều phụ đề cho một đoạn video.
- D. Không thể thêm phụ đề cho đoạn video.

Câu 9 (B.E4.9): Trong phần mềm Video Editor, tiêu đề trong video thường:

- A. Được đặt ở cuối video và không xuất hiện ở nơi khác.
- B. Được dùng để chú thích hình ảnh, lời thoại.
- C. Được đặt ở đầu hoặc các vị trí chuyển cảnh trong video.
- D. Chỉ hiển thị một màu sắc duy nhất.

Câu 10 (B.E4.9): Chức năng của thẻ tiêu đề (Title card) trong Video Editor là gì?

- A. Chỉnh sửa màu sắc của toàn bộ video.
- B. Tạo một cảnh riêng để hiển thị tiêu đề.
- C. Thêm phụ đề trực tiếp trên hình ảnh.
- D. Tách video thành nhiều đoạn.

Câu 11 (B.F.1): Trong quy trình giao bài toán cho máy tính giải quyết, bước đầu tiên là gì?

- A. Tìm thuật toán.
- B. Xác định bài toán.
- C. Viết chương trình.
- D. Chạy thử chương trình.

Câu 12 (H.F.1): Thuật toán được mô tả bằng cách nào dưới đây?

- A. Sơ đồ khối hoặc liệt kê các bước cụ thể.
- B. Chương trình được viết bằng ngôn ngữ máy.
- C. Kết quả cuối cùng của bài toán.
- D. Dữ liệu đầu vào của bài toán.

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu ... Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: (E4.5;B,B,H,V)

Trong khi dựng video, An thấy thiếu hình ảnh chụp các buổi hoạt động của CLB Tin học. Vậy là An phải dừng lại để đi thu thập hình ảnh từ các bạn trong lớp. Có đủ dữ liệu rồi nhưng An lại loay hoay không biết nên sắp xếp thứ tự các đoạn video và hình ảnh thế nào cho hợp lí, nên thêm hiệu ứng gì để làm cho video hay hơn.

Theo em, An cần làm gì trước khi bắt tay vào dựng video bằng phần mềm?

- a) An thực hiện theo các bước lên ý tưởng, xây dựng kịch bản, chuẩn bị dữ liệu, nhập dữ liệu, dựng video, biên tập video, xuất video. **(B. Đúng)**
- b) An thực hiện theo các bước lên ý tưởng, xây dựng kịch bản, dựng video, biên tập video, xuất video, chuẩn bị dữ liệu, nhập dữ liệu. **(B. Sai)**
- c) Đạo diễn, quay phim, trợ lí, biên kịch, thuê diễn viên, chuẩn bị đạo cụ, công chiếu. **(H. Sai)**
- d) Viết kịch bản, dựng phim, hậu kì, chuẩn bị thiết bị cần thiết cho quá trình quay phim. **(V. Sai)**

Câu 2: (E4.6;B, H,V, V) Khi nói về phát triển tư duy máy tính cho học sinh trong sách giáo khoa Tin học 9. Hai bạn học sinh đã trao đổi và đưa ra các nhận xét sau:

- a) Phát triển hơn cho học sinh tư duy trừu tượng hoá. **(B. Đúng)**
- b) Sử dụng nhiều ví dụ phù hợp lứa tuổi của học sinh. **(H. Sai)**
- c) Yêu cầu học sinh sử dụng thành thạo các phần mềm phổ biến. **(V. Sai)**
- d) Tạo điều kiện để học sinh tìm hiểu sở thích đối với việc dùng phần mềm để tạo sản phẩm đa phương tiện. **(V. Sai)**

Câu 3: (E4.9;B, B,H, V) Bạn an muốn bổ sung vào video lời thuyết minh quá trình thực hiện dự án. An đã dùng chức năng thu âm của điện thoại thông minh để thu lời thuyết minh của mình và ghi thành ba tệp âm thanh tương ứng với ba dự án sau đó lưu vào máy tính. Theo em bạn An nên làm gì để đưa các tệp âm thanh đó vào video?

- a) Không thể nhập dữ liệu âm thanh vào thư viện dữ liệu giống như hình ảnh và video. **(B. Sai)**
- b) Hình ảnh, video và âm thanh đều là dữ liệu để làm video, do đó cách nhập là giống nhau. **(B. Đúng)**
- c) Thư viện dữ liệu chỉ chứa dữ liệu dạng hình ảnh và video. **(H. Sai)**
- d) Dữ liệu âm thanh (ghi trong tệp) được nhập vào dự án làm video bằng chức năng Custom audio. **(V. Sai)**

Câu 4: (F.2;B, B,H, V) Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi gia đình thường phải thanh toán hóa đơn tiền điện hàng tháng dựa trên lượng điện họ tiêu thụ. Bài toán này đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để tính toán tổng số tiền phải trả dựa trên số điện đã sử dụng và giá tiền điện cố định cùng với các mức giá biến đổi?

- a) Viết chương trình bằng một ngôn ngữ lập trình để tính. **(B. Đúng)**
- b) Sử dụng chương trình bảng tính để tính tiền điện. **(B. Đúng)**
- c) Tính số tiền điện bằng cách nhân một mức giá. **(H. Sai)**
- d) Tính tiền điện bằng cách lấy tháng sau trừ tháng trước. **(V. Sai)**

PHẦN III: Tự luận.

Câu 1: Em hãy điều chỉnh âm lượng, tốc độ phát của video trong dự án video KiNiêm?

Câu 2: Em hãy xác định vị trí hợp lí và các nội dung cần thiết của các tiêu đề, phụ đề cho một số hình ảnh tiêu biểu trong video PhongcanhVN.

Câu 3: Hãy nêu một bài toán cụ thể mà em đã dùng máy tính để giải và cho biết những việc em đã làm để giải bài toán đó.

---HẾT---

ĐÁP ÁN

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	C	B	C	B	C	C	B	B	A

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Mỗi ý đúng được 0.25 điểm

Câu hỏi	1A	1B	1C	1D	2A	2B	2C	2D	3A	3B	3C	3D	4A	4B	4C	4D
Đáp án	D	S	S	S	D	S	S	S	S	D	S	S	D	D	S	S

PHẦN III: Tự Luận

Mỗi ý đúng được 0.25 điểm

Câu hỏi	Đáp án	Điểm
1	<p>* Điều chỉnh âm lượng: Chọn biểu tượng volume trên đoạn video trong Storyboard, sử dụng thanh trượt để tăng hoặc giảm âm lượng</p> <p>* Điều chỉnh tốc độ phát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn video cần điều chỉnh tốc độ trong bảng phân cảnh Storyboard - Chọn Speed trên thanh công cụ của bảng phân cảnh Storyboard - Sử dụng thanh trượt để điều chỉnh tốc độ 	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
2	<p>* Tiêu đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí hợp lý ở đầu hoặc cuối video - Cần phù hợp, đẹp, sinh động để thu hút người xem <p>* Phụ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí hợp lý xuất hiện đi liền với lời thoại của các nhân vật/hình ảnh - Ngôn từ diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu, tốc độ hiện vừa phải để người xem kịp theo dõi 	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
3	<p>Em đã dùng máy tính để giải bài toán tìm số lớn nhất bằng cách:</p> <p>Bước 1. Nhập dãy số.</p> <p>Bước 2. Gán giá trị Max là số đầu tiên</p> <p>Bước 3. So sánh với giá trị kế sau nếu giá trị kế sau lớn hơn thì gán vào Max, nếu không giữ nguyên</p> <p>Bước 4. Lặp lại đến hết dãy ta được số lớn nhất</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ CÁC ĐỀ

ĐỀ 1	MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
	NĂM HỌC 2025-2026
	MÔN: TIN 9

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	3. Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao	6 (1,2,3,4, 5,6)	3 (8,9, 11)	3 (7,10, 12)	6 (1a,2a,2b) (3a,3b,4a, 4b)	5 (1b,1c,2c, 3b,4c)	5 (1d,2d,3c, 3d,4d,)	4 (1)	4 (2)	4 (3)	16	12	12	100.0%
Tổng số câu			6	3	3	6	5	5	4	4	4	16	12	12	
Tổng số điểm			1.5	0.75	0.75	1.5	1.25	1.25	1	1	1	4.0	3.0	3.0	
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

TT	Chủ đề / Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng / Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề E. Ứng dụng	3. Chủ đề con (lựa chọn):	Nhận biết - Biết được công cụ xác thực dữ	6 (NLa)	3 (NLc)	3 (NLd)	6 (NLa)	5 (NLc)	5 (NLd)	4 (Nla)	4 (NLc)	4 (NLd)

	tin học	Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao	liệu (Data Validation) của phần mềm bảng tính. - Biết hàm đếm theo điều kiện COUNTIF, hàm tính tổng theo điều kiện SUMIF, hàm điều kiện IF trong phần mềm bảng tính. Thông hiểu – Giải thích được một số điều kiện xác thực dữ liệu của phần mềm bảng tính. - Giải thích được cách thực hiện của các hàm COUNTIF, SUMIF, IF. Vận dụng – Thực hiện được dự án sử dụng bảng tính điện tử góp phần giải quyết một bài toán liên quan đến quản lý tài chính, dân số,... Ví dụ: quản lý chi tiêu của gia đình, quản lý thu chi quỹ lớp.									
Tổng số câu				6	3	3	6	5	5	4	4	4
Tổng số điểm				3.0			4.0			3.0		
Tỉ lệ				30			40			30		

ĐỀ 2**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC****KỲ II****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: TIN 9**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN TIN HỌC, LỚP 9

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % Điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	3. Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao							16 (C1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16)	2 (C17,18)	18 câu 100% (10 điểm)
Tổng									16	2	18
Tỉ lệ %									100%		100%
Tỉ lệ chung							100%				100%

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TIN HỌC LỚP 9

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	3. Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao	Vận dụng cao – Thực hiện được dự án sử dụng bảng tính điện tử góp phần giải quyết một bài toán liên quan đến quản lý tài chính, dân số,... Ví dụ: quản lý chi tiêu của gia đình, quản lý thu chi quỹ lớp. Thông hiểu				16(TN) 2(TL)

			(C1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16) (C17,18)				
Tổng							16TN 2 TL
Tỉ lệ %							100%
Tỉ lệ chung							100%

ĐỀ 3

**MA TRẬN ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC
KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TIN 9**

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề E4: Làm quen với phần mềm làm video	E4.5. Biên tập đoạn video trong bảng phân cảnh	2 (1,2)			1 (1a)	1 (1c)	2 (1b,1d)				3	1	2	15% 1,5
		E4.6. Thực hành biên tập video		1 (3)	1 (4)	1 (2a)	1 (2c)	2 (2b,2d)				1	2	3	15% 1,5
		E4.7. Thực hành thêm hiệu ứng cho video	1 (5)	1 (6)					4 (1)			5	1	0	15% 1,5
		E4. 8. Thêm tiêu đề, phụ đề cho video		1 (7)	1 (8)					4 (2)		0	5	1	15% 1,5
		E4.9. Thực hành	2			2	1	1				4	1	1	15%

		tổng hợp	(9,10)			(3a,b)	(3c)	(3d)							1,5
2	Chủ đề F: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F. 1. Các bước giải bài toán bằng máy tính	1 (11)	1 (12)							4 (3)	1	1	4	15% 1,5
		F. 2. Thực hành xác định bài toán và tìm thuật toán				2 (4a,b)	1 (4c)	1 (4d)				2	1	1	10% 1,0
Tổng số câu, ý			6	4	2	6	4	6	4	4	4	16	12	12	40
Tổng số điểm			1.5	1.0	0.5	1.5	1.0	1.5	1.0	1.0	1.0	4.0	3.0	3.0	10.0
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100 %

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

TT	Chủ đề / Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng / Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề E4: Làm quen với phần mềm làm video	E4.5. Biên tập đoạn video trong bảng phân cảnh	Nhận biết – Biết các chức năng của phần mềm Video Editor. Thông hiểu Hiểu cách tạo ra một sản phẩm video hoàn chỉnh. Vận dụng - Cắt và xóa được một phần video trong bảng phân cảnh. - Điều chỉnh được âm lượng và tốc	2 (NLb)			1 (NLb)	1 (NLc)	2 (NLa)			

		độ phát video trong bảng phân cảnh.										
	E4.6. Thực hành biên tập video	Nhận biết – Biết các nút lệnh của phần mềm Video Editor. Thông hiểu Hiểu được chức năng các lệnh cơ bản trong biên tập video Vận dụng - Tạo và biên tập được một video đơn giản.		1 (NLc)	1 (NLc)	1 (NLb)	1 (NLc)	2 (NLa)				
	E4.7. Thực hành thêm hiệu ứng cho video	Nhận biết – Biết các hiệu ứng cho video. Thông hiểu Phân biệt được các hiệu ứng của phần mềm Video Editor. Vận dụng - Thêm được hiệu ứng cho các hình ảnh, video: hiệu ứng chuyển động, hiệu ứng 3D, bộ lọc màu.	1 (NLc)	1 (NLc)					4 (NLc)			
	E4. 8. Thêm tiêu đề, phụ đề cho video	Nhận biết – Biết được cách làm tiêu đề và phụ đề cho video. Thông hiểu Hiểu được tác dụng của tiêu đề và phụ đề trong video. Vận dụng - Thêm được tiêu đề và phụ đề cho		1 (NLc)	1 (NLc)					4 (NLc)		

			video. - Sửa được định dạng, hiệu ứng của tiêu đề và phụ đề.									
		E4.9. Thực hành tổng hợp	Nhận biết – Biết các lệnh cơ bản để tạo video. Thông hiểu -Hiểu được các nguyên tắc cơ bản để tạo ra video. Vận dụng - Sử dụng được phần mềm Video Editor để tạo được video hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu cuộc sống của cá nhân, gia đình, trường học, địa phương.	2 (NLb)			2 (NLb)	1 (NLc)	1 (NLe)			
2	Chủ đề F: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	F. 1. Các bước giải bài toán bằng máy tính	Nhận biết – Nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết. Thông hiểu – Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối). – Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ	1 (NLb)	1 (NLc)							4 (NLa)

		<p>hon) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ.</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán.</p>									
	F. 2. Thực hành xác định bài toán và tìm thuật toán	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thể giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh hoạ.</p> <p>– Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện.</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán.</p>				2 (NLb)	1 (NLc)	1 (NLe)			
Tổng số câu			6	4	2	6	4	6	4	4	4
Tổng số điểm			3.0			4.0			3.0		
Tỉ lệ			30			40			30		